

Số: 1209/QĐ-BTNMT

Hà Nội, ngày 19 tháng 5 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Kế hoạch cung cấp dịch vụ công trực tuyến
tại Bộ Tài nguyên và Môi trường năm 2015, định hướng đến năm 2020**

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Nghị định số 21/2013/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 64/2007/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2007 của Chính phủ về việc ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 43/2011/NĐ-CP ngày 13 tháng 6 năm 2011 của Chính phủ về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến trên trang thông tin điện tử hoặc cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước.

Xét đề nghị của Cục trưởng Cục Công nghệ thông tin và Vụ trưởng Vụ Kế hoạch,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch cung cấp dịch vụ công trực tuyến của Bộ Tài nguyên và Môi trường năm 2015, định hướng đến năm 2020.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng các Vụ: Kế hoạch, Tài chính, Pháp chế, Cục trưởng Cục Công nghệ thông tin và Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Bộ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư; Tài chính; Nội vụ; Thông tin và Truyền thông;
- Các Thứ trưởng;
- Lưu VT, KH.TH.

Chánh Văn phòng Bộ
Chánh Văn phòng Bộ

BỘ TRƯỞNG



Nguyễn Minh Quang
Nguyễn Minh Quang

KẾ HOẠCH

**Cung cấp dịch vụ công trực tuyến của Bộ Tài nguyên và Môi trường
năm 2015, định hướng đến năm 2020**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1209/QĐ-BTNMT ngày 19 tháng 5 năm 2015
của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)*

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung:

Cung cấp dịch vụ công trực tuyến đối với các thủ tục hành chính thuộc phạm vi giải quyết của Bộ Tài nguyên và Môi trường trong năm 2015 và giai đoạn đến năm 2020 nhằm tăng cường hiệu quả trong công tác giải quyết các thủ tục hành chính, nâng cao tính minh bạch trong công tác quản lý nhà nước về tài nguyên và môi trường, góp phần thúc đẩy cải cách hành chính của ngành, đáp ứng ngày càng tốt hơn yêu cầu của người dân và doanh nghiệp.

2. Mục tiêu cụ thể:

a) Hoàn thiện thể chế, thiết lập các bộ phận chuyên môn xử lý các yêu cầu đối với dịch vụ công tại các đơn vị trực thuộc Bộ có liên quan dịch vụ công; hoàn thiện quy trình nghiệp vụ về cung cấp dịch vụ công theo tiêu chuẩn chất lượng ISO 9001:2008;

b) Xây dựng hệ thống cung cấp dịch vụ công mức độ 3, 4 theo kế hoạch cải cách thủ tục hành chính của Bộ;

c) Ứng dụng chữ ký số cho các cơ quan quản lý nhà nước trực thuộc Bộ trong công tác xử lý thủ tục hành chính nhằm tăng cường trao đổi văn bản điện tử, giảm trao đổi giấy tờ giữa các cơ quan thuộc Bộ, giữa cơ quan thuộc Bộ với người dân, doanh nghiệp;

d) Tạo điều kiện thuận lợi cho cá nhân, tổ chức khi tham gia thực hiện các thủ tục hành chính, từ đó góp phần giảm thiểu thời gian, tiền bạc, công sức, đáp ứng cơ chế thông thoáng, thuận lợi, minh bạch; bảo đảm mức độ hài lòng của cá nhân, tổ chức về các thủ tục hành chính tại Bộ Tài nguyên và Môi trường.

II. NỘI DUNG

1. Cung cấp dịch vụ công trực tuyến ở mức độ 3 đối với 37 thủ tục hành chính trong năm 2015, trong đó:

- Lĩnh vực môi trường: có 11 dịch vụ;
- Lĩnh vực đất đai: có 03 dịch vụ;
- Lĩnh vực đo đạc và bản đồ: 07 dịch vụ;

- Lĩnh vực tài nguyên nước: có 02 dịch vụ;
- Lĩnh vực khí tượng thủy văn và biến đổi khí hậu: có 04 dịch vụ;
- Lĩnh vực địa chất và khoáng sản: có 05 dịch vụ;
- Lĩnh vực biển và hải đảo: có 05 dịch vụ;
- Lĩnh vực khác: 01 dịch vụ.

Chi tiết Danh mục dịch vụ công trực tuyến cung cấp trong năm 2015 tại Phụ lục 1 kèm theo.

2. Cung cấp dịch vụ công trực tuyến đối với 67 thủ tục hành chính trong giai đoạn từ năm 2016 đến năm 2018, trong đó có 40 dịch vụ được cung cấp ở mức độ 3, 27 dịch vụ được cung cấp ở mức độ 4. Cụ thể:

- Lĩnh vực môi trường: có 16 dịch vụ công trực tuyến cung cấp ở mức độ 3, 11 dịch vụ công trực tuyến cung cấp ở mức độ 4;
- Lĩnh vực đất đai: có 03 dịch vụ công trực tuyến cung cấp ở mức độ 4;
- Lĩnh vực tài nguyên nước: có 09 dịch vụ công trực tuyến cung cấp ở mức độ 3, 02 dịch vụ công trực tuyến cung cấp ở mức độ 4;
- Lĩnh vực khí tượng thủy văn và biến đổi khí hậu: có 07 dịch vụ công trực tuyến cung cấp ở mức độ 3, 07 dịch vụ công trực tuyến cung cấp ở mức độ 4;
- Lĩnh vực địa chất và khoáng sản: có 08 dịch vụ công trực tuyến cung cấp ở mức độ 3, 04 dịch vụ công trực tuyến cung cấp ở mức độ 4.

Chi tiết Danh mục dịch vụ công trực tuyến cung cấp trong giai đoạn từ năm 2016 đến năm 2018 tại Phụ lục 2 kèm theo.

3. Tiếp tục cung cấp dịch vụ công trực tuyến ở mức độ 4 đối với 55 thủ tục hành chính trong giai đoạn từ năm 2019 đến năm 2020, cụ thể:

- Lĩnh vực môi trường: 15 dịch vụ;
- Lĩnh vực đất đai: 07 dịch vụ;
- Lĩnh vực tài nguyên nước: 09 dịch vụ;
- Lĩnh vực khí tượng thủy văn và biến đổi khí hậu: 10 dịch vụ;
- Lĩnh vực địa chất và khoáng sản: 08 dịch vụ;
- Lĩnh vực biển và hải đảo: 05 dịch vụ;
- Lĩnh vực khác: 01 dịch vụ.

Chi tiết Danh mục dịch vụ công trực tuyến cung cấp trong giai đoạn từ năm 2019 đến năm 2020 tại Phụ lục 3 kèm theo.

III. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Giải pháp về thể chế, hành chính:

a) Xây dựng, ban hành các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến cung cấp dịch vụ công trực tuyến;

b) Xây dựng các Quy chế phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị liên quan đến cung cấp dịch vụ công trực tuyến.

2. Giải pháp kỹ thuật, công nghệ:

a) Xây dựng hệ thống hỗ trợ giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa tại Bộ Tài nguyên và Môi trường;

b) Kiện toàn, nâng cấp Cổng thông tin điện tử của Bộ, trang/cổng thông tin điện tử của các tổng cục, cục;

c) Triển khai thực hiện liên kết, tích hợp thông tin giữa Cổng thông tin điện tử của Bộ với trang/cổng thông tin điện tử của các tổng cục, cục và với Cổng thông tin điện tử của Chính phủ;

d) Thực hiện các biện pháp kỹ thuật để đảm bảo an toàn thông tin và dữ liệu trên Cổng thông tin điện tử Bộ, trang/cổng thông tin điện tử tại các tổng cục, cục.

3. Giải pháp nhân lực:

Bố trí, đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực có đủ trình độ để sử dụng, vận hành hệ thống thông tin nội bộ và cung cấp dịch vụ công trực tuyến.

4. Giải pháp tổ chức, triển khai:

a) Xây dựng hệ thống phần mềm theo từng giai đoạn, có những bước thí điểm để nhân rộng và nâng cấp để việc sử dụng các dịch vụ công đơn giản, dễ dàng đối với người sử dụng;

b) Chỉ đạo, đôn đốc các cơ quan, đơn vị có liên quan thực hiện lộ trình cung cấp dịch vụ công theo đúng kế hoạch đã đề ra; đồng thời có sự đánh giá kết quả thực hiện hàng năm để kịp thời tháo gỡ những vướng mắc xảy ra trong quá trình thực hiện.

5. Giải pháp nâng cao nhận thức, thu hút người sử dụng:

Tuyên truyền nội dung, ý nghĩa của lộ trình cung cấp dịch vụ công trực tuyến thông qua Trang / Cổng thông tin điện tử của Bộ, của các Cục, Tổng cục; qua báo chí, tạp chí và qua các phương tiện thông tin đại chúng khác.

6. Giải pháp tài chính:

Bố trí ngân sách nhà nước (nguồn vốn đầu tư phát triển, vốn sự nghiệp) để triển khai các ứng dụng công nghệ thông tin.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Cục Công nghệ thông tin chủ trì phối hợp với Văn phòng Bộ, các Tổng cục, Cục xây dựng và thực hiện kế hoạch nâng cấp cơ sở hạ tầng thông tin; thiết kế, xây dựng phần mềm cung cấp dịch vụ công trực tuyến.

2. Các Tổng cục, Cục chủ trì phối hợp với Cục Công nghệ thông tin bố trí nhân lực xử lý các dịch vụ công trực tuyến; định kỳ báo cáo Lãnh đạo Bộ về tiến độ thực hiện lộ trình cung cấp dịch vụ công trực tuyến của cơ quan, đơn vị mình.

3. Văn phòng Bộ theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện lộ trình xây dựng dịch vụ công trực tuyến của các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ, tổng hợp, báo cáo Lãnh đạo Bộ xem xét, cho ý kiến chỉ đạo./.

Chức vụ
pea

BỘ TRƯỞNG



Nguyễn Minh Quang
Nguyễn Minh Quang

PHỤ LỤC 1.
DANH MỤC CÁC DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN
CUNG CẤP TRONG NĂM 2015

TT	Tên dịch vụ công	Mức DVCTT	Cơ quan chủ trì xử lý	Cơ quan phối hợp
I	Lĩnh vực Môi trường			
1	Cấp Giấy chứng nhận an toàn sinh học đối với cây trồng biến đổi gen	3	Tổng cục Môi trường Cục	Văn phòng Tổng cục; Bảo tồn đa dạng sinh học
2	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường	3	Tổng cục Môi trường	Văn phòng Tổng cục
3	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký lưu hành chế phẩm sinh học trong xử lý chất thải tại Việt Nam	3	Tổng cục Môi trường	Văn phòng Tổng cục; Cục Kiểm soát ô nhiễm
4	Gia hạn Giấy chứng nhận đăng ký lưu hành chế phẩm sinh học trong xử lý chất thải tại Việt Nam	3	Tổng cục Môi trường	Văn phòng Tổng cục; Cục Kiểm soát ô nhiễm
5	Cấp Giấy chứng nhận túi ni lông thân thiện với môi trường	3	Tổng cục Môi trường	Văn phòng Tổng cục; Cục Kiểm soát ô nhiễm
6	Gia hạn Giấy chứng nhận túi ni lông thân thiện với môi trường	3	Tổng cục Môi trường	Văn phòng Tổng cục; Cục Kiểm soát ô nhiễm
7	Đăng ký xuất khẩu chất thải nguy hại	3	Tổng cục Môi trường	Văn phòng Tổng cục; Cục Quản lý chất thải và Cải thiện môi trường
8	Chứng nhận sản phẩm, dịch vụ đạt tiêu chí Nhãn xanh Việt Nam	3	Tổng cục Môi trường	Văn phòng Tổng cục; Vụ Chính sách pháp chế
9	Cấp giấy phép vận chuyển hàng nguy hiểm đối với môi trường	3	Tổng cục Môi trường	Văn phòng Tổng cục; Cục Kiểm soát ô nhiễm
10	Xem xét, thẩm định hồ sơ chỉ định đơn vị giám định phế liệu	3	Tổng cục Môi trường	Văn phòng Tổng cục;

TT	Tên dịch vụ công	Mức DVCTT	Cơ quan chủ trì xử lý	Cơ quan phối hợp
				Cục Kiểm soát ô nhiễm
11	Đăng ký tạm nhập tái xuất, chuyển khẩu chất thải nguy hại	3	Tổng cục Môi trường	Văn phòng Tổng cục; Cục Quản lý chất thải và Cải thiện môi trường
II Lĩnh vực Đất đai				
1	Thủ tục giải quyết tranh chấp đất đai thuộc thẩm quyền của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường	3	Tổng cục Quản lý đất đai	
2	Thủ tục cung cấp dữ liệu đất đai	3	Tổng cục Quản lý đất đai	
3	Trình tự, thủ tục cấp Chứng chỉ định giá đất	3	Tổng cục Quản lý đất đai	
III Lĩnh vực Đo đạc bản đồ				
1	Cấp giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ	3	Cục Đo đạc và Bản đồ Việt Nam	
2	Bổ sung nội dung giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ	3	Cục Đo đạc và Bản đồ Việt Nam	
3	Cấp lại giấy phép hoạt động đo đạc bản đồ	3	Cục Đo đạc và Bản đồ Việt Nam	
4	Gia hạn giấy phép hoạt động đo đạc bản đồ	3	Cục Đo đạc và Bản đồ Việt Nam	
5	Cung cấp thông tin dữ liệu đo đạc và bản đồ	3	Cục Đo đạc và Bản đồ Việt Nam	
6	Thẩm định hồ sơ nghiệm thu công trình, sản phẩm đo đạc và bản đồ	3	Cục Đo đạc và Bản đồ Việt Nam	
7	Thẩm định hồ sơ quyết toán công trình, sản phẩm đo đạc và bản đồ	3	Cục Đo đạc và Bản đồ Việt Nam	
IV Lĩnh vực Tài nguyên nước				
1	Cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt	3	Cục Quản lý tài nguyên nước	

TT	Tên dịch vụ công	Mức DVCTT	Cơ quan chủ trì xử lý	Cơ quan phối hợp
2	Cấp giấy phép xả nước thải vào nguồn nước	3	Cục Quản lý tài nguyên nước	
V	Lĩnh vực Khí tượng thủy văn và biến đổi khí hậu			
1	Cấp giấy phép hoạt động của công trình khí tượng thủy văn chuyên dùng	3	Cục Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu	
2	Cấp lại giấy phép hoạt động của công trình khí tượng thủy văn chuyên dùng	3	Cục Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu	
3	Điều chỉnh nội dung giấy phép của công trình khí tượng thủy văn chuyên dùng	3	Cục Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu	
4	Gia hạn giấy phép hoạt động của công trình khí tượng thủy văn chuyên dùng	3	Cục Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu	
VI	Lĩnh vực Địa chất khoáng sản			
1	Tham khảo, cung cấp tài liệu địa chất và khoáng sản	3	Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam	
2	Giấy phép khảo sát khoáng sản	3	Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam	
3	Giấy phép thăm dò khoáng sản	3	Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam	
4	Giấy phép khai thác khoáng sản	3	Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam	
5	Xác nhận tính hợp pháp của tài liệu, mẫu vật địa chất và khoáng sản đưa ra nước ngoài	3	Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam	
VII	Lĩnh vực Biển và Hải Đảo			
1	Giao khu vực biển	3	Tổng cục Biển và Hải đảo	

TT	Tên dịch vụ công	Mức DVCTT	Cơ quan chủ trì xử lý	Cơ quan phối hợp
2	Gia hạn quyết định giao khu vực biển	3	Tổng cục Biển và Hải đảo	
3	Sửa đổi, bổ sung quyết định giao khu vực biển	3	Tổng cục Biển và Hải đảo	
4	Trả lại khu vực biển	3	Tổng cục Biển và Hải đảo	
5	Thu hồi khu vực biển	3	Tổng cục Biển và Hải đảo	
VIII Các lĩnh vực khác				
1	Cung cấp, khai thác và sử dụng dữ liệu tài nguyên và môi trường	3	Các đơn vị trực thuộc Bộ	

PHỤ LỤC 2.
DANH MỤC CÁC DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN
CUNG CẤP TRONG GIAI ĐOẠN TỪ NĂM 2016 ĐẾN NĂM 2018

TT	Tên dịch vụ công	Mức DVCTT	Cơ quan chủ trì xử lý	Cơ quan phối hợp
I	Lĩnh vực Môi trường			
1	Điều chỉnh giấy phép vận chuyển hàng nguy hiểm đối với môi trường	3	Tổng cục Môi trường	Văn phòng Tổng cục; Cục Kiểm soát ô nhiễm
2	Gia hạn giấy phép vận chuyển hàng nguy hiểm đối với môi trường	3	Tổng cục Môi trường	Văn phòng Tổng cục; Cục Kiểm soát ô nhiễm
3	Cấp lại giấy phép vận chuyển hàng nguy hiểm đối với môi trường	3	Tổng cục Môi trường	Văn phòng Tổng cục; Cục Kiểm soát ô nhiễm
4	Chứng nhận lại sản phẩm, dịch vụ đạt tiêu chí Nhãn xanh Việt Nam	3	Tổng cục Môi trường	Văn phòng Tổng cục; Vụ Chính sách pháp chế
5	Điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường	3	Tổng cục Môi trường	Văn phòng Tổng cục
6	Gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường	3	Tổng cục Môi trường	Văn phòng Tổng cục
7	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường	3	Tổng cục Môi trường	Văn phòng Tổng cục
8	Thẩm định, phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường	3	Tổng cục Môi trường	Văn phòng Tổng cục; Cục Thẩm định và Đánh giá tác động môi trường
9	Kiểm tra, xác nhận các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường trước khi dự án đi vào vận hành chính thức	3	Tổng cục Môi trường	Văn phòng Tổng cục; Cục Thẩm định và Đánh giá tác động môi trường

TT	Tên dịch vụ công	Mức DVCTT	Cơ quan chủ trì xử lý	Cơ quan phối hợp
10	Cấp giấy phép hành nghề quản lý chất thải nguy hại	3	Tổng cục Môi trường	Văn phòng Tổng cục; Cục Thẩm định và Đánh giá tác động môi trường
11	Gia hạn giấy phép hành nghề quản lý chất thải nguy hại	3	Tổng cục Môi trường	Văn phòng Tổng cục; Cục Thẩm định và Đánh giá tác động môi trường
12	Điều chỉnh giấy phép hành nghề quản lý chất thải nguy hại	3	Tổng cục Môi trường	Văn phòng Tổng cục; Cục Thẩm định và Đánh giá tác động môi trường
13	Báo cáo đánh giá môi trường chiến lược	3	Tổng cục Môi trường	Văn phòng Tổng cục; Cục Thẩm định và Đánh giá tác động môi trường
14	Thẩm định, phê duyệt đề án cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản	3	Tổng cục Môi trường	Văn phòng Tổng cục; Cục Thẩm định và Đánh giá tác động môi trường
15	Kiểm tra, xác nhận hoàn thành cải tạo phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản	3	Tổng cục Môi trường	Văn phòng Tổng cục; Cục Thẩm định và Đánh giá tác động môi trường
16	Cung cấp, khai thác và sử dụng dữ liệu môi trường	3	Tổng cục môi trường	
17	Cấp Giấy chứng nhận an toàn sinh học đối với cây trồng biến đổi gen	4	Tổng cục Môi trường	Văn phòng Tổng cục; Cục Bảo tồn đa dạng sinh học

TT	Tên dịch vụ công	Mức DVCTT	Cơ quan chủ trì xử lý	Cơ quan phối hợp
18	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường	4	Tổng cục Môi trường	Văn phòng Tổng cục
19	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký lưu hành chế phẩm sinh học trong xử lý chất thải tại Việt Nam	4	Tổng cục Môi trường	Văn phòng Tổng cục; Cục Kiểm soát ô nhiễm
20	Gia hạn Giấy chứng nhận đăng ký lưu hành chế phẩm sinh học trong xử lý chất thải tại Việt Nam	4	Tổng cục Môi trường	Văn phòng Tổng cục; Cục Kiểm soát ô nhiễm
21	Cấp Giấy chứng nhận túi ni lông thân thiện với môi trường	4	Tổng cục Môi trường	Văn phòng Tổng cục; Cục Kiểm soát ô nhiễm
22	Gia hạn Giấy chứng nhận túi ni lông thân thiện với môi trường	4	Tổng cục Môi trường	Văn phòng Tổng cục; Cục Kiểm soát ô nhiễm
23	Đăng ký xuất khẩu chất thải nguy hại	4	Tổng cục Môi trường	Văn phòng Tổng cục; Cục Quản lý chất thải và Cải thiện môi trường
24	Chứng nhận sản phẩm, dịch vụ đạt tiêu chí Nhãn xanh Việt Nam	4	Tổng cục Môi trường	Văn phòng Tổng cục; Vụ Chính sách pháp chế
25	Cấp giấy phép vận chuyển hàng nguy hiểm đối với môi trường	4	Tổng cục Môi trường	Văn phòng Tổng cục; Cục Kiểm soát ô nhiễm
26	Xem xét, thẩm định hồ sơ chỉ định đơn vị giám định phế liệu	4	Tổng cục Môi trường	Văn phòng Tổng cục; Cục Kiểm soát ô nhiễm
27	Đăng ký tạm nhập tái xuất, chuyển khẩu chất thải nguy hại	4	Tổng cục Môi trường	Văn phòng Tổng cục; Cục Quản lý chất thải và Cải thiện môi trường

TT	Tên dịch vụ công	Mức DVCTT	Cơ quan chủ trì xử lý	Cơ quan phối hợp
II	Lĩnh vực Đất đai			
1	Thủ tục giải quyết tranh chấp đất đai thuộc thẩm quyền của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường	4	Tổng cục Quản lý đất đai	
2	Thủ tục cung cấp dữ liệu đất đai	4	Tổng cục Quản lý đất đai	
3	Trình tự, thủ tục cấp Chứng chỉ định giá đất	4	Tổng cục Quản lý đất đai	
III	Lĩnh vực tài nguyên nước			
1	Cấp giấy phép, khai thác sử dụng nước mặt	4	Cục Quản lý tài nguyên nước	
2	Cấp giấy phép cả nước thải vào nguồn nước	4	Cục Quản lý tài nguyên nước	
3	Cấp giấy phép thăm dò nước dưới đất	3	Cục Quản lý tài nguyên nước	
4	Cấp giấy phép, khai thác, sử dụng nước dưới đất	3	Cục Quản lý tài nguyên nước	
5	Cấp giấy phép, hành nghề khoan nước dưới đất	3	Cục Quản lý tài nguyên nước	
6	Gia hạn/ điều chỉnh giấy phép thăm dò nước dưới đất	3	Cục Quản lý tài nguyên nước	
7	Gia hạn/ điều chỉnh giấy phép, khai thác, sử dụng nước dưới đất	3	Cục Quản lý tài nguyên nước	
8	Gia hạn/ điều chỉnh giấy phép khai thác sử dụng nước mặt, nước biển	3	Cục Quản lý tài nguyên nước	
9	Gia hạn/ điều chỉnh giấy phép cả nước thải vào nguồn nước	3	Cục Quản lý tài nguyên nước	
10	Gia hạn/ điều chỉnh giấy phép, hành nghề khoan nước dưới đất	3	Cục Quản lý tài nguyên nước	
11	Cấp lại giấy phép tài nguyên nước	3	Cục Quản lý tài nguyên nước	

TT	Tên dịch vụ công	Mức DVCTT	Cơ quan chủ trì xử lý	Cơ quan phối hợp
III	Lĩnh vực Khí tượng thủy văn và Biến đổi khí hậu			
1	Cấp giấy phép hoạt động của công trình khí tượng thủy văn chuyên dùng	4	Cục Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu	
2	Cấp lại giấy phép hoạt động của công trình khí tượng thủy văn chuyên dùng	4	Cục Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu	
3	Điều chỉnh nội dung giấy phép của công trình khí tượng thủy văn chuyên dùng	4	Cục Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu	
4	Gia hạn giấy phép hoạt động của công trình khí tượng thủy văn chuyên dùng	4	Cục Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu	
5	Thủ tục cấp Thư xác nhận tài liệu ý tưởng dự án theo cơ chế phát triển sạch	3	Cục Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu	
6	Thủ tục cấp thư phê duyệt Văn kiện thiết kế dự án theo CDM (PDD hoặc PoA-DD)	3	Cục Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu	
7	Gia hạn thư phê duyệt PDD hoặc PoA-DD	3	Cục Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu	
8	Điều chỉnh thư phê duyệt PDD hoặc PoA-DD	3	Cục Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu	
9	Xác nhận đăng ký nhập khẩu các chất HCFC	4	Cục Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu	
10	Xác nhận đăng ký nhập khẩu polyol trộn sẵn HCFC-141b	4	Cục Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu	

TT	Tên dịch vụ công	Mức DVCTT	Cơ quan chủ trì xử lý	Cơ quan phối hợp
11	Xác nhận đăng ký xuất khẩu các chất HCFC	4	Cục Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu	
12	Xác nhận chất lượng phương tiện đo khí tượng thủy văn	3	Cục Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu	
13	Cung cấp dữ liệu KTTV	3	Cục Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu	
14	Đánh giá chất lượng tư liệu khí tượng thủy văn	3	Cục Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu	
IV	Lĩnh vực Địa chất khoáng sản			
1	Giấy phép khảo sát khoáng sản	4	Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam	
2	Giấy phép thăm dò khoáng sản	4	Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam	
3	Giấy phép khai thác khoáng sản	4	Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam	
4	Tham khảo, cung cấp tài liệu địa chất và khoáng sản	4	Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam	
5	Chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản.	3	Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam	
6	Chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản.	3	Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam	
7	Phê duyệt trữ lượng khoáng sản	3	Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam	
8	Đóng cửa mỏ khoáng sản	3	Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam	

TT	Tên dịch vụ công	Mức DVCTT	Cơ quan chủ trì xử lý	Cơ quan phối hợp
9	Giao nộp, thu nhận dữ liệu về địa chất, khoáng sản.	3	Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam	
10	Tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	3	Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam	
11	Trả lại Giấy phép thăm dò khoáng sản hoặc một phần diện tích thăm dò khoáng sản.	3	Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam	
12	Trả lại Giấy phép khai thác khoáng sản hoặc trả lại một phần diện tích khai thác khoáng sản.	3	Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam	

PHỤ LỤC 3.
DANH MỤC CÁC DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN
CUNG CẤP TRONG GIAI ĐOẠN TỪ NĂM 2019 ĐẾN NĂM 2020

TT	Tên dịch vụ công	Mức độ DVCTT	Cơ quan chủ trì xử lý	Cơ quan phối hợp
I	Lĩnh vực Môi trường			
1	Điều chỉnh giấy phép vận chuyển hàng nguy hiểm đối với môi trường	4	Tổng cục Môi trường	Văn phòng Tổng cục; Cục Kiểm soát ô nhiễm
2	Gia hạn giấy phép vận chuyển hàng nguy hiểm đối với môi trường	4	Tổng cục Môi trường	Văn phòng Tổng cục
3	Cấp lại giấy phép vận chuyển hàng nguy hiểm đối với môi trường	4	Tổng cục Môi trường	Văn phòng Tổng cục; Cục Kiểm soát ô nhiễm
4	Chứng nhận lại sản phẩm, dịch vụ đạt tiêu chí Nhãn xanh Việt Nam	4	Tổng cục Môi trường	Văn phòng Tổng cục; Vụ Chính sách pháp chế
5	Điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường	4	Tổng cục Môi trường	Văn phòng Tổng cục
6	Gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường	4	Tổng cục Môi trường	Văn phòng Tổng cục
7	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường	4	Tổng cục Môi trường	Văn phòng Tổng cục
8	Thẩm định, phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường	4	Tổng cục Môi trường	Văn phòng Tổng cục; Cục Thẩm định và Đánh giá tác động môi trường
9	Kiểm tra, xác nhận các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường trước khi dự án đi vào vận hành chính thức	4	Tổng cục Môi trường	Văn phòng Tổng cục; Cục Thẩm định và Đánh giá tác động môi trường

TT	Tên dịch vụ công	Mức độ DVCTT	Cơ quan chủ trì xử lý	Cơ quan phối hợp
10	Cấp giấy phép hành nghề quản lý chất thải nguy hại	4	Tổng cục Môi trường	Văn phòng Tổng cục; Cục Thẩm định và Đánh giá tác động môi trường
11	Gia hạn giấy phép hành nghề quản lý chất thải nguy hại	4	Tổng cục Môi trường	Văn phòng Tổng cục; Cục Thẩm định và Đánh giá tác động môi trường
12	Điều chỉnh giấy phép hành nghề quản lý chất thải nguy hại	4	Tổng cục Môi trường	Văn phòng Tổng cục; Cục Thẩm định và Đánh giá tác động môi trường
13	Báo cáo đánh giá môi trường chiến lược	4	Tổng cục Môi trường	Văn phòng Tổng cục; Cục Thẩm định và Đánh giá tác động môi trường
14	Thẩm định, phê duyệt đề án cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản	4	Tổng cục Môi trường	Văn phòng Tổng cục; Cục Thẩm định và Đánh giá tác động môi trường
15	Kiểm tra, xác nhận hoàn thành cải tạo phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản	4	Tổng cục Môi trường	Văn phòng Tổng cục; Cục Thẩm định và Đánh giá tác động môi trường
II	Lĩnh vực Đo đạc và Bản đồ			
1	Cấp giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ	4	Cục Đo đạc và Bản đồ Việt Nam	
2	Bổ sung nội dung giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ	4	Cục Đo đạc và Bản đồ Việt Nam	
3	Cấp lại giấy phép hoạt động đo đạc bản đồ	4	Cục Đo đạc và Bản đồ Việt Nam	

TT	Tên dịch vụ công	Mức độ DVCTT	Cơ quan chủ trì xử lý	Cơ quan phối hợp
4	Gia hạn giấy phép hoạt động đo đạc bản đồ	4	Cục Đo đạc và Bản đồ Việt Nam	
5	Cung cấp thông tin dữ liệu đo đạc và bản đồ	4	Cục Đo đạc và Bản đồ Việt Nam	
6	Thẩm định hồ sơ nghiệm thu công trình, sản phẩm đo đạc và bản đồ	4	Cục Đo đạc và Bản đồ Việt Nam	
7	Thẩm định hồ sơ quyết toán công trình, sản phẩm đo đạc và bản đồ	4	Cục Đo đạc và Bản đồ Việt Nam	
III Lĩnh vực Tài nguyên nước				
1	Cấp giấy phép thăm dò nước dưới đất	4	Cục Quản lý tài nguyên nước	
2	Cấp giấy phép, khai thác, sử dụng nước dưới đất	4	Cục Quản lý tài nguyên nước	
3	Cấp giấy phép, hành nghề khoan nước dưới đất	4	Cục Quản lý tài nguyên nước	
4	Gia hạn/ điều chỉnh giấy phép thăm dò nước dưới đất	4	Cục Quản lý tài nguyên nước	
5	Gia hạn/ điều chỉnh giấy phép, khai thác, sử dụng nước dưới đất	4	Cục Quản lý tài nguyên nước	
6	Gia hạn/ điều chỉnh giấy phép khai thác sử dụng nước mặt, nước biển	4	Cục Quản lý tài nguyên nước	
7	Gia hạn/ điều chỉnh giấy phép cả nước thải vào nguồn nước	4	Cục Quản lý tài nguyên nước	
8	Gia hạn/ điều chỉnh giấy phép, hành nghề khoan nước dưới đất	4	Cục Quản lý tài nguyên nước	
9	Cấp lại giấy phép tài nguyên nước	4	Cục Quản lý tài nguyên nước	
III Lĩnh vực Khí tượng thủy văn và Biến đổi khí hậu				
1	Thủ tục cấp Thư xác nhận tài liệu ý tưởng dự án theo cơ chế phát triển sạch	4	Cục Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu	
2	Thủ tục cấp thư phê duyệt Văn kiện thiết kế dự án theo CDM (PDD hoặc PoA-DD)	4	Cục Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu	
3	Gia hạn thư phê duyệt PDD hoặc PoA-DD	4	Cục Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu	
4	Điều chỉnh thư phê duyệt PDD hoặc PoA-DD	4	Cục Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu	

TT	Tên dịch vụ công	Mức độ DVCTT	Cơ quan chủ trì xử lý	Cơ quan phối hợp
5	Xác nhận đăng ký nhập khẩu các chất HCFC	4	Cục Khí tượng Thủy văn và Biển đổi khí hậu	
6	Xác nhận đăng ký nhập khẩu polyol trộn sẵn HCFC-141b	4	Cục Khí tượng Thủy văn và Biển đổi khí hậu	
7	Xác nhận đăng ký xuất khẩu các chất HCFC	4	Cục Khí tượng Thủy văn và Biển đổi khí hậu	
8	Xác nhận chất lượng phương tiện đo khí tượng thủy văn	4	Cục Khí tượng Thủy văn và Biển đổi khí hậu	
9	Cung cấp dữ liệu KTTV	4	Cục Khí tượng Thủy văn và Biển đổi khí hậu	
10	Đánh giá chất lượng tư liệu khí tượng thủy văn	4	Cục Khí tượng Thủy văn và Biển đổi khí hậu	
IV	Lĩnh vực Địa chất khoáng sản			
1	Chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản.	4	Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam	
2	Chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản.	4	Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam	
3	Phê duyệt trữ lượng khoáng sản	4	Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam	
4	Đóng cửa mỏ khoáng sản	4	Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam	
5	Giao nộp, thu nhận dữ liệu về địa chất, khoáng sản.	4	Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam	
6	Tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	4	Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam	
7	Trả lại Giấy phép thăm dò khoáng sản hoặc một phần diện tích thăm dò khoáng sản.	4	Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam	

TT	Tên dịch vụ công	Mức độ DVCTT	Cơ quan chủ trì xử lý	Cơ quan phối hợp
8	Trả lại Giấy phép khai thác khoáng sản hoặc trả lại một phần diện tích khai thác khoáng sản.	4	Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam	
V	Lĩnh vực Biển và Hải Đảo			
1	Giao khu vực biển	4	Tổng cục Biển và Hải đảo	
2	Gia hạn quyết định giao khu vực biển	4	Tổng cục Biển và Hải đảo	
3	Sửa đổi, bổ sung quyết định giao khu vực biển	4	Tổng cục Biển và Hải đảo	
4	Trả lại khu vực biển	4	Tổng cục Biển và Hải đảo	
5	Thu hồi khu vực biển	4	Tổng cục Biển và Hải đảo	
VI	Lĩnh vực khác			
1	Cung cấp, khai thác và sử dụng dữ liệu tài nguyên và môi trường	4	Các đơn vị trực thuộc Bộ	